| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN P**<br>**TỈNH HƯNG YÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 03/2024/KDTM-ST
Ngày 16-9-2024
*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH HƯNG YÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Mạnh Quyền;

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Tô Sỹ Thái và bà Nguyễn Thị Quyên.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh, Thư ký viên Toà án nhân dân huyện Phù Cừ.

***- Đại diện VKSND huyện P tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 16/9/2024, tại trụ sở; Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ dân sự thụ lý số: 03/2024/TLST-KDTM, ngày 05/02/2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-KDTM ngày 09/8/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 03/2024/QĐST-KDTM ngày 29/8/2024 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn***: Ngân hàng N;

Địa chỉ: Số 02 L, quận B, thành phố H;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền của ông V: Ông Lương Thế Th, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N - chi nhánh huyện P, tỉnh Hưng Yên;

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Th: Bà Trần Thị L, chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Ngân hàng N - chi nhánh huyện P, tỉnh Hưng Yên. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

**** Bị đơn***: + Bà Phạm Thị Th1, sinh năm 1966; (vắng mặt)

+ Anh An Ngọc Th2, sinh năm 1990; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn A(nay là thôn Q), xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trần Thị Ltrình bày:*

Ngày 15/10/2019, Ngân hàng N chi nhánh huyện P (viết tắt là Ngân hàng A

P) và bà Phạm Thi Th1, anh An Ngọc Th2 đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 2411LAV201901691 với hạn mức tín dụng là 200.000.000 đồng, thời hạn vay, mục đích vay, lãi suất được ghi trong hợp đồng tín dụng và trên giấy nhận nợ kiêm giấy giải ngân tương ứng. Theo hợp đồng tín dụng, ngân hàng đã giải ngân cho bà Th1, anh Th2 số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 28/9/2021, mục đích để mua trâu bò nái, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất vay 8.1%/năm kể từ ngày 28/9/2021 đến hết ngày 31/12/2021, từ ngày 01/01/2022 áp dụng lãi suất 9%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn; định kỳ trả khoản nợ gốc chia làm 03 kỳ, kỳ 1, ngày 28/9/2022 trả 60.000.000 đồng, kỳ hai, ngày 28/9/2023 trả 60.000.000 đồng và kỳ ba, ngày ngày 28/9/2024 trả 80.000.000 đồng. Lãi suất hàng tháng được trả vào các kỳ trả nợ gốc. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, phía bị đơn mới chỉ thanh toán được số tiền lãi đến ngày 30/6/2022 là 13.142.465 đồng, từ ngày 01/7/2022 đến nay phía bị đơn không thanh toán được khoản tiền gốc và tiền lãi nào, đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết trong hợp đồng. Mặc dù A P nhiều lần đôn đốc, tuy nhiên, phía bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Để bảo vệ quyền và lợi ích của mình, Ngân hàng A P yêu cầu Toà án nhân dân huyện P giải quyết buộc bị đơn bà Phạm Thị Th1, anh An Ngọc Th2 phải có nghĩa vụ thanh toán trả ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/02/2024 là: 232.311.233 đồng, trong đó, nợ gốc 200.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 30.032.877 đồng, lãi suất quá hạn là 2.278.356 đồng và lãi suất phát sinh tiếp theo theo hợp đồng tín dụng cho đến khi phía bị đơn thanh toán xong khoản nợ cho phía ngân hàng.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, Toà án đã gửi các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Phạm Thị Th1, anh An Ngọc Th2 nhưng không được, tiến hành xác minh tại UBND xã M và Công an xã M thì được cung cấp thông tin, bà Th1, anh Th2 đều đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại thôn A(nay là thôn Q), xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên. Hiện nay, bà Th1, anh Th2 vắng mặt tại nơi cư trú, không có thông tin gì về việc bà Th1, anh Th1ỷ chuyển khẩu đi nơi khác. Do bà Th1, anh Th2 không khai báo nên hiện nay bà Th1, anh Th2 đi đâu, làm gì và ở đâu thì Công an xã và chính quyền địa phương không nắm được. Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bà Th1, anh Th2 vẫn không đến Toà án để làm việc nên Toà án không thể tiến hành lấy lời khai của bà Th1, anh Th2.

Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Th1, anh An Ngọc Th2 phải thanh toán trả ngân hàng A Việt Nam số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, lãi trong hạn từ ngày 01/7/2022 đến ngày 16/9/2024 là 23.972.055 đồng; lãi quá hạn từ ngày 29/9/2022 đến ngày 16/9/2024 là 23.811.781 đồng. Tổng cả gốc và lãi tính đến ngày 16/9/2024 là 247.783.836 đồng. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm nếu bà Th1, anh Th2 không trả được số tiền nợ gốc thì còn phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn theo mức lãi suất thỏa Th1ận trong hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ đối với số nợ gốc chưa trả cho đến khi trả xong.

Đại diện VKSND huyện P phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Th1, anh Th2 vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do chính đáng nên đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn bà Th1, anh Th2.

- Về đường lối giải quyết: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 116, 117, 119, 274, 275, 280, 288, 357, 398, 401, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12 Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1, 2, 3 Điều 5, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc quy định về án, lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A Việt Nam, buộc bà Phạm Thị Th1 và anh An Ngọc Th2 phải trả ngân hàng A Việt Nam toàn bộ số tiền nợ gốc, các khoản lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm và lãi phát sinh tiếp theo theo hợp đồng tín dụng cho đến khi bà Th1, anh Th2 trả xong nợ cho ngân hàng.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Phạm Thị Th1, anh An Ngọc Th2 phải chịu án phí sơ thẩm Kinh doanh thương mại theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thủ tục tố tụng giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng A Việt Nam có đơn khởi kiện bà Phạm Thị Th1, anh An Ngọc Th2 để yêu cầu trả nợ do vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng số 411LAV201901691 ngày 15/10/2019, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 201901691/PLHĐ ngày 24/9/2020 và báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ ngày 28/9/2021 giữa các bên đã ký kết. Bà Phạm Thị Th1 và anh An Ngọc Th2 vay vốn tại Ngân hàng A Việt Nam để trả tiền mua bò nái, trâu nái có mục đích lợi nhuận nên đây là quan hệ tranh chấp Kinh doanh thương mại về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa nguyên đơn Ngân hàng A Việt Nam với bị đơn bà Phạm Thị Th1, anh An Ngọc Th2. Bà Th1, anh Th2 đăng ký hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú tại thôn A(nay là thôn Q), xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị Th1, anh An Ngọc Th2 thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Hộ gia đình bà Phạm Thị Th1 có 02 nhân khẩu, gồm bà Th1 và con trai là anh An Ngọc Th2. Ngày 07/10/2019, anh An Ngọc Th2 uỷ quyền cho bà Phạm Thị Th1 thay mặt anh Th2 xác lập, thực hiện các giao dịch liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng A Việt Nam để phục vụ cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh chung của hộ gia đình nên căn cứ vào Điều 288 của Bộ luật dân sự năm 2015, có cơ sở buộc bà Phạm Thị Th1 và anh An Ngọc Th2 phải có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng A Việt Nam.

+ Về địa chỉ nơi cư trú của bị đơn bà Phạm Thị Th1, anh An Ngọc Th2: Tại thời điểm khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp đúng địa chỉ nơi cư trú của bà Th1, anh Th2 tại thôn A(nay là thôn Q), xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên như trong hợp đồng tín dụng. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án được Công an xã M và chính quyền địa phương nơi cư trú của bà Th1, anh Th2 cung cấp thông tin: Bà Th1, anh Th2 vắng mặt tại nơi cư trú, không rõ đi đâu nên Toà án không tống đạt được các văn bản tố tụng cho bà Th1, anh Th2, hiện nay người khởi kiện không xác định được địa chỉ của bà Th1, anh Th2 ở đâu. Việc bà Th1, anh Th2 thay đổi nơi cư trú, không thông báo địa chỉ nơi cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích là để che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1, 2, 3 Điều 5; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân huyện P xác định bà Th1, anh Th2 cố tình giấu địa chỉ, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

+ Bị đơn bà Phạm Thị Th1, anh An Ngọc Th2 vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2 không có lý do chính đáng mặc dù đã được Toà án thông báo hợp lệ theo quy định của pháp luật; căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Th1, anh Th2.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX nhận định:

* Về hợp đồng tín dụng số 411LAV201901691 ngày 15/10/2019, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 201901691/PLHĐ ngày 24/9/2020 và báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ ngày 28/9/2021 giữa bên cho vay là Ngân hàng A Việt Nam với bên vay, đại diện là bà Phạm Thị Th1: Các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng; nội dung và mục đích hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; việc lập hợp đồng tín dụng được thực hiện phù hợp với quy định tại Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 398, Điều 401 của Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, hợp đồng trên là hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp đồng.

* Về yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn: Căn cứ vào các tài liệu đã Th1 thập được trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Ngày 15/10/2019, bà Phạm Thị Th1 đại diện cho hộ gia đình ký hợp đồng tín dụng số 2411LAV201901691 tại Ngân hàng A Việt Nam chi nhánh huyện P để vay số tiền là 200.000.000 đồng, thời hạn vay theo báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ ngày 28/9/2021 là 36 tháng (từ

ngày 28/9/2021 đến ngày 28/9/2024). Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện đúng thỏa Th1ận theo hợp đồng là giải ngân cho bà Th1 một lần đủ số tiền 200.000.000 đồng, được thể hiện tại báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ ngày 28/9/2021; bị đơn bà Th1, anh Th2 không thực hiện đúng cam kết, vi phạm nghĩa vụ về thời hạn trả nợ gốc và lãi. Nguyên đơn đã nhiều lần ra thông báo yêu cầu bà Th1, anh Th2 trả nợ nhưng bà Th1, anh Th2 chưa thanh toán nợ. Việc bà Th1, anh Th2 để quá thời hạn trả nợ là hoàn toàn do lỗi của bà Th1, anh Th2. Nay Ngân hàng A Việt Nam chi nhánh huyện P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Th1, anh Th2 phải thanh toán trả ngân hàng số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng là có cơ sở. Căn cứ vào Điều 274, khoản 1 Điều 275, Điều 280, Điều 288, Điều 351, Điều 352, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Phạm Thị Th1 và anh An Ngọc Th2 phải có trách nhiệm liên đới trả Ngân hàng A Việt Nam số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng.

* Về yêu cầu trả lãi suất của nguyên đơn:

Theo hợp đồng tín dụng, báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ ngày 28/9/2021, các bên thỏa Th1ận áp dụng mức lãi suất cho vay là 8,1%/năm kể từ ngày 28/9/2021 đến ngày 31/12/2021, kể từ ngày 01/01/2022 các bên thoả Th1ận áp dụng mức lãi suất là 9%/năm, lãi suất quá hạn không quá 150% lãi suất trong hạn, tương ứng là 13,5%/năm. Sự thỏa Th1ận của các bên đương sự nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên căn cứ Điều 357, khoản 1, 5 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên buộc bà Th1, anh Th2 phải trả tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã thanh toán trả tiền lãi đến ngày 30/6/2022, còn từ ngày 01/7/2022 cho đến nay bị đơn không trả tiền lãi cho Ngân hàng, cụ thể như sau:

- Lãi trong hạn chưa thanh toán:

+ Từ ngày 01/7/2022 đến ngày 27/9/2022 là 89 ngày, nợ gốc 200.000.000 đồng x 9%/365 ngày x 89 ngày = 4.389.041 đồng.

+ Từ ngày 28/9/2022 đến ngày 27/9/2023 là 365 ngày, nợ gốc 140.000.000 đồng x 9%/365 ngày x 365 ngày = 12.600.000 đồng.

+ Từ ngày 28/9/2023 đến ngày 16/9/2024 là 354 ngày, nợ gốc: 80.000.000 đồng x 9%/365 ngày x 354 ngày = 6.983.014 đồng.

Tổng số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán tính đến ngày 16/9/2024 là: 23.972.055 đồng.

- Lãi quá hạn chưa thanh toán:

+ Đến ngày 28/9/2022, kỳ 1 khoản tiền nợ gốc 60.000.000 đồng đến hạn chưa thanh toán nên ngày 29/9/2022 chuyển khoản nợ gốc 60.000.000 đồng sang nợ quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, tương ứng 13,5%/năm đối với thời gian quá hạn như trong hợp đồng tín dụng.

Từ ngày 29/9/2022 đến ngày 28/9/2023 là 365 ngày, nợ gốc quá hạn là 60.000.000 đồng x 13,5%/365 ngày x 365 ngày = 8.100.000 đồng.

+ Đến ngày 28/9/2023, kỳ 2 khoản tiền nợ gốc 60.000.000 đồng đến hạn chưa thanh toán nên ngày 29/9/2023 chuyển khoản nợ gốc 60.000.000 đồng của kỳ 2 sang nợ quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, tương ứng 13,5%/năm đối với thời gian quá hạn như trong hợp đồng tín dụng.

Nợ gốc quá hạn của kỳ 1 và kỳ 2 (từ ngày 29/9/2023 đến ngày 16/9/2024 là 354 ngày) là 120.000.000 đồng x 13,5%/365 ngày x 354 ngày = 15.711.781 đồng.

Tổng số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán tính đến ngày 16/9/2024 là: 23.811.781 đồng.

Tổng số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 16/9/2024 bà Th1, anh Th2 phải trả Ngân hàng A Việt Nam là: 23.972.055 đồng + 23.811.781 đồng = 47.783.836 đồng.

*Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa Th1ận trong hợp đồng tín dụng, báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.*

[3]Về án phí: Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Bà Th1, anh Th2 phải chịu toàn bộ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các điều 116, 117, 119, 274, 275, 280, 288, 357, 398, 401, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12 Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1, 2, 3 Điều 5, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc quy định về án, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc bà Phạm Thị Th1 và anh An Ngọc Th2 phải có nghĩa vụ thanh toán trả Ngân hàng N tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/9/2024) là 247.783.836 đồng (*hai trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng*). Trong đó, tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng); tiền lãi trong hạn là 23.972.055 đồng (*hai mươi ba triệu chín trăm bẩy mươi hai nghìn không trăm năm mươi lăm đồng*), tiền lãi quá hạn là 23.811.781 đồng (*hai mươi ba triệu tám trăm mười một nghìn bẩy trăm tám mươi mốt đồng*).

*Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa Th1ận trong hợp đồng tín dụng, báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.*

- Về án phí: Bà Phạm Thị Th1 và anh An Ngọc Th2 phải chịu 12.389.191 đồng (*mười hai triệu ba trăm tám mươi chín nghìn một trăm chín mươi mốt đồng*) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng A Việt Nam số tiền 5.681.000 đồng (*năm triệu sáu trăm tám mươi mốt nghìn đồng*) tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo biên lai Th1 tiền tạm ứng án phí số: BLTU/23/000647 ngày 30/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa Th1ận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện P
- Chi cục THADS huyện P;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊNTÒA**

**Bùi Mạnh Quyền**